

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Thảo luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/2024

Phòng thi: ĐT1.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	112223001	Huỳnh Công Quốc An	05/11/2005	Nam	8,0	4,5	6,3	001	An		
2	112223003	Nguyễn Thanh Bình	05/12/2004	Nam	8,4						
3	112223004	Võng Phúc Bình	23/10/2005	Nữ	8,8	4,3	6,6	003	Bình		
4	112223005	Huỳnh Thị Thái Châu	30/06/2005	Nữ	9,3	3,5	6,4	004	Châu		
5	112223006	Lê Văn Châm	10/02/2005	Nam	9,1	2,5	5,8	005	Châm		
6	112223007	Thái Căn Cơ	22/02/2005	Nam	8,9	4,8	6,9	006	Cơ		
7	112223008	Dương Tuấn Cường	19/11/2005	Nam	8,2	3,0	5,6	007	Cường		
8	112223009	Võ Thị Ngọc Diệp	18/06/2005	Nữ	9,2	4,3	6,8	008	Diệp		
9	112223010	Thạch Thị Mỹ Dung	24/08/2005	Nữ							
10	112223011	Trần Nguyễn Mỹ Dung	20/08/2005	Nữ	8,9	4,8	6,9	010	Dung		
11	112223012	Hồ Thị Mỹ Duyên	20/02/2005	Nữ	8,0	4,5	6,3	011	Duyên		
12	112223014	Thạch Thị Linh Đa	11/12/2005	Nữ	9,0						
13	112223015	Lâm Anh Đài	08/11/2005	Nữ	8,9	5,3	7,1	013	Đài		
14	112223016	Nguyễn Thị Khánh Đoan	01/09/2005	Nữ	8,9	4,5	6,7	014	Đoan		
15	112223017	Lê Gia Hào	07/04/2005	Nam	8,4	3,5	6,0	015	Hào		
16	112223018	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/11/2005	Nữ	8,9	5,5	7,2	016	Hân		
17	112223020	Thạch Thị Hồng Như Hoa	15/10/2005	Nữ							
18	112223021	Phạm Gia Huệ	19/02/2005	Nữ	8,9	5,3	7,1	018	Huệ		
19	112223022	Nguyễn Gia Huy	15/09/2005	Nam	8,7	5,3	7,0	019	Huy		
20	112223024	Trương Thị Mỹ Huyền	20/08/2005	Nữ	9,2	4,0	6,6	020	Huyền		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chính

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: *T.N*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/3/2024

Phòng thi: *Đ71.110*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	112223026	Nguyễn Đăng Khoa	08/09/2005	Nam	<i>8,8</i>	<i>4,8</i>	<i>6,9</i>	<i>002</i>	<i>Lâm</i>		
2	112223027	Kim Thị Như	22/10/2005	Nữ	<i>8,9</i>	<i>4,8</i>	<i>6,9</i>	<i>002</i>	<i>Lâm</i>		
3	112223028	Kiên Tư	14/02/2005	Nam	<i>9,3</i>	<i>8,0</i>	<i>8,7</i>	<i>003</i>	<i>Lâm</i>		
4	112223030	Kiên Thị Ngọc	03/03/2005	Nữ	<i>8,8</i>	<i>4,8</i>	<i>6,9</i>	<i>003</i>	<i>Lâm</i>		
5	112223032	Nguyễn Thị Trúc	20/09/2005	Nữ	<i>9,3</i>	<i>6,8</i>	<i>8,1</i>	<i>005</i>	<i>Thị</i>		
6	112223033	Chung Thị Ngọc	16/08/2005	Nữ	<i>9,3</i>	<i>4,0</i>	<i>6,7</i>	<i>006</i>	<i>M</i>		
7	112223035	Thạch Thị	15/12/2005	Nữ	<i>8,7</i>	<i>4,3</i>	<i>6,5</i>	<i>008</i>	<i>Thị</i>		
8	112223038	Huỳnh Thị Phương	08/07/2005	Nữ	<i>8,7</i>	<i>4,3</i>	<i>6,5</i>	<i>008</i>	<i>Thị</i>		
9	112223039	Nguyễn Ngọc Thuý	01/09/2005	Nữ	<i>8,9</i>	<i>4,3</i>	<i>6,5</i>	<i>008</i>	<i>Thị</i>		
10	112223040	Trần Ngọc	07/04/2005	Nữ	<i>8,2</i>	<i>4,0</i>	<i>6,1</i>	<i>010</i>	<i>M</i>		
11	112223041	Lê Bao	26/11/2005	Nữ	<i>4,2</i>	<i>4,0</i>	<i>6,1</i>	<i>010</i>	<i>M</i>		
12	112223042	Nguyễn Huỳnh Hồng	14/12/2005	Nữ	<i>8,9</i>	<i>5,5</i>	<i>6,2</i>	<i>012</i>	<i>Thị</i>		
13	112223044	Nguyễn Thị Hồng	27/10/2005	Nữ	<i>9,0</i>	<i>8,3</i>	<i>8,7</i>	<i>013</i>	<i>Thị</i>		
14	112223046	Nguyễn Khánh	13/08/2005	Nam	<i>8,7</i>	<i>6,5</i>	<i>7,6</i>	<i>014</i>	<i>Thị</i>		
15	112223047	Bùi Lê Hiền	11/04/2005	Nam	<i>8,9</i>	<i>4,8</i>	<i>6,9</i>	<i>015</i>	<i>Thị</i>		
16	112223048	Nguyễn Long	01/01/2005	Nam	<i>8,9</i>	<i>7,3</i>	<i>8,1</i>	<i>016</i>	<i>Thị</i>		
17	112223049	Nguyễn Thị Mỹ	21/07/2005	Nữ	<i>8,0</i>	<i>4,0</i>	<i>6,2</i>	<i>018</i>	<i>Thị</i>		
18	112223050	Lâm Ái	22/09/2005	Nữ	<i>8,4</i>	<i>4,0</i>	<i>6,2</i>	<i>018</i>	<i>Thị</i>		
19	112223051	Võ Thị Phương	02/03/2005	Nữ	<i>9,2</i>	<i>4,0</i>	<i>6,6</i>	<i>019</i>	<i>Thị</i>		
20	112223052	Đặng Quỳnh	02/05/2005	Nữ	<i>8,2</i>	<i>5,3</i>	<i>6,8</i>	<i>020</i>	<i>Thị</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *20*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *14*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *14*

Tổng số tờ: *14*

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Văn Phương*

Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Văn Phương*

Điểm QT: *50* %, Điểm KT: *50* %

Trà Vinh, Ngày *04* tháng *4* năm *2024*

Cán bộ ghi điểm: *Nguyễn Văn Phương*

Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Văn Phương*

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

D7.1-111

1513

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDA

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Tuần nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2024

Phòng thi: D7.1-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	112223053	Nguyễn Thị Huỳnh Như	20/01/2005	Nữ	8,9	5,8	7,4	001	<u>Thao</u>		
2	112223057	Trần Thị Hồng Phấn	06/04/2005	Nữ	8,5	3,3	5,9	002	<u>Thao</u>		5,9
3	112223058	Ông Thị Hồng Phúc	27/10/2005	Nữ	8,9	4,0	6,5	003	<u>phuc</u>		
4	112223063	Võ Phú Tài	11/06/2005	Nam	8,9	4,0	6,5	004	<u>Tai</u>		
5	112223064	Hồng Quốc Thảo	17/04/2005	Nam	9,0	3,8	6,4	005	<u>thao</u>		
6	112223065	Đoàn Duy Thắng	13/10/2005	Nam	8,4	3,8	6,1	006	<u>Thao</u>		
7	112223066	Nguyễn Thành Thịnh	18/12/2005	Nam	9,2	3,0	6,1	007	<u>thao</u>		
8	112223067	Võ Quốc Thịnh	09/12/2005	Nam	8,3	5,0	6,7	008	<u>thinh</u>		
9	112223068	Lê Thị Thu Thảo	30/01/2005	Nữ	9,1	5,3	7,2	009	<u>thao</u>		
10	112223069	Mai Phương Thảo	13/01/2005	Nữ	9,3	5,8	7,6	010	<u>thao</u>		
11	112223070	Sĩ Thị Thanh Thảo	26/09/2005	Nữ	9,5	5,3	7,4	011	<u>thao</u>		
12	112223073	Nguyễn Anh Thư	13/05/2005	Nữ	8,2	2,8	5,5	012	<u>thao</u>		
13	112223139	Dương Thị Huỳnh Như	14/02/2004	Nữ	9,2	3,5	6,4	013	<u>thao</u>		
14	112223143	Kiều Đăng Khoa	31/12/2005	Nam	—	—	—	—	—		
15	112223144	Kim Chaie Dạ	03/07/2005	Nam	—	—	—	—	—		
16	112223146	Nguyễn Ngọc Ánh	05/10/2005	Nữ	8,9	3,8	6,4	016	<u>thao</u>		
17	112223147	Nguyễn Ngọc Thơ	08/01/2005	Nữ	9,2	4,3	6,8	017	<u>thao</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 15

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 15

Tổng số tờ: 15

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Đa Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tin chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Tiểu luận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15 / 3 / 2024

Phòng thi: 071.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	112223023	Thạch Thị Ngọc Huyền	20/06/2005	Nữ	8,6	3,5	6,1	001	<u>Huyen</u>		
2	112223071	Ôn Minh Thuận	22/10/2005	Nam	9,0	5,3	7,2	002	<u>Minh</u>		
3	112223075	Sơn Thị Anh Thư	23/07/2005	Nữ	8,7	2,8	5,8	003	<u>Anh</u>		
4	112223076	Tô Huỳnh Thư	16/05/2005	Nữ	9,2	4,5	6,9	004	<u>Thư</u>		
5	112223080	Lâm Thị Anh Thy	15/11/2005	Nữ	9,3	3,3	6,3	005	<u>Thy</u>		
6	112223081	Hồ Thị Tiêm	16/06/2005	Nữ	9,2	6,0	7,6	006	<u>Tiem</u>		
7	112223083	Nguyễn Thị Quế Trang	14/02/2005	Nữ	—	—	—	—	—		<u>Quế</u>
8	112223084	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	14/04/2005	Nữ	9,1	3,8	6,5	008	<u>Tram</u>		
9	112223086	Kim Thị Mai Trâm	10/02/2005	Nữ	9,2	3,8	6,5	009	<u>Tram</u>		
10	112223087	Nguyễn Hoàng Trâm	04/02/2005	Nữ	9,2	5,0	7,1	010	<u>Tram</u>		
11	112223088	Trần Ngọc Bảo Trâm	20/11/2005	Nữ	9,1	—	—	—	—		<u>Tram</u>
12	112223090	Lê Thị Mỹ Trinh	27/09/2005	Nữ	8,6	4,5	6,6	012	<u>Trinh</u>		
13	112223091	Nguyễn Tuyết Trinh	27/02/2005	Nữ	8,9	5,3	7,1	013	<u>Trinh</u>		
14	112223094	Phạm Thanh Trúc	10/03/2005	Nữ	9,2	4,5	6,9	014	<u>Truc</u>		
15	112223096	Nguyễn Triều Vi	08/03/2005	Nam	8,3	3,8	6,1	015	<u>Vi</u>		
16	112223098	Nguyễn Thị Như Ý	24/11/2005	Nữ	8,6	3,5	6,1	016	<u>Nguy</u>		
17	112223099	Nguyễn Thị Yến	29/07/2005	Nữ	8,5	3,5	6,0	017	<u>Yen</u>		
18	112223100	Lâm Thị Thúy An	02/11/2005	Nữ	9,4	4,3	6,9	018	<u>An</u>		
19	112223101	Lê Bình An	17/07/2005	Nam	8,7	2,5	5,6	019	<u>An</u>		
20	112223102	Huỳnh Trâm Anh	21/09/2005	Nữ	8,4	3,8	6,1	020	<u>Anh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ: 18

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Phương

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Linh

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15/03/2024

Phòng thi: D71-113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	112223105	Đỗ Quốc Đang	19/05/2005	Nam	9,1	3,0	6,1	001	Đang		
2	112223107	Phạm Ngọc Hân	24/09/2005	Nữ	9,0	2,5	5,8	002	Hân		
3	112223108	Khru Chí Hoàng	27/06/2003	Nam	8,9	5,3	7,1	003	Hoàng		
4	112223109	Nguyễn Gia Huy	15/05/2005	Nam	8,4	3,0	5,7	004	Huy		
5	112223110	Nguyễn Văn Hưng	08/04/2005	Nam	8,6	4,3	6,5	005	Hưng		
6	112223112	Nguyễn Duy Khoa	14/06/2005	Nam	8,8	4,0	6,4	006	Khoa		
7	112223113	Thạch Huỳnh Mỹ Kiều	06/04/2001	Nữ	8,4	6,5	7,5	007	Kiều		
8	112223114	Dương Gia Lạc	30/08/2005	Nam	3,2	-	-	-	Lạc		
9	112223118	Ngô Thị Diễm My	02/02/2005	Nữ	8,9	3,5	6,2	009	My		
10	112223119	Võ Trúc Ngân	28/09/2005	Nữ	8,9	3,8	6,4	010	Ngân		
11	112223120	Lâm Thảo Nguyên	08/08/2005	Nữ	9,1	6,5	7,8	011	Thảo		
12	112223125	Nguyễn Thị Ngọc Quyền	12/04/2005	Nữ	8,7	3,5	6,1	012	Quyền		
13	112223128	Huỳnh Huy Thuần	25/07/2005	Nam	8,9	3,3	6,1	013	Thuần		
14	112223129	Đoàn Thị Huỳnh Thư	21/11/2005	Nữ	9,0	4,3	6,7	014	Thư		
15	112223130	Thạch Thị Minh Thư	08/07/2003	Nữ	9,2	3,8	6,5	015	Minh		
16	112223131	Nguyễn Trí Tín	09/11/2004	Nam	8,4	4,3	6,4	016	Tín		
17	112223133	Lương Thị Huyền Trang	28/07/2005	Nữ	9,3	3,5	6,4	017	Trang		
18	112223134	Đoàn Dương Trọng	09/04/2005	Nam	8,3	4,3	6,3	018	Trọng		
19	112223135	Hồ Thị Cẩm Tú	14/08/2005	Nữ	9,3	3,5	6,4	019	Tú		
20	112223136	Nguyễn Hoàng Huy Vũ	17/04/2004	Nam	-	-	-	-	Huy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18...

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Đặng Sơn Hậu

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50...%; Điểm KT: 50...

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/3 11/90C

Đ71.114

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23QKDB

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: ĐTN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/3/2024

Phòng thi: Đ71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	112223137	Nguyễn Tấn Vũ	07/01/2000	Nam	9,0	4,0	6,5	001	<u>ĐTN</u>		
2	112223138	Võ Thị Như Ý	27/06/2005	Nữ	9,2	3,5	6,4	002	<u>ĐTN</u>		
3	112223150	Phạm Ngọc Như Ý	26/11/2005	Nữ	8,4	3,0	5,7	013	<u>ĐTN</u>		
4	112223151	Phan Quang Huy	22/07/2005	Nam	8,8	2,8	5,8	003	<u>ĐTN</u>		
5	112223152	Sơn Đa Rô	29/09/2005	Nam	8,5	3,8	6,2	004	<u>Rô</u>		
6	112223154	Thạch Thị Mỹ Hạnh	14/12/2005	Nữ	8,9	3,0	6,0	005	<u>ĐTN</u>		
7	112223155	Thạch Vinh Thủy Duyên	29/10/2005	Nữ	8,9				<u>ĐTN</u>		
8	112223156	Trần Nhật Bán	27/08/2004	Nam	8,3	3,3	5,8	007	<u>ĐTN</u>		
9	112223157	Trần Thị Huỳnh Như	12/02/2005	Nữ	8,9	3,5	6,2	008	<u>ĐTN</u>		
10	112223158	Trần Văn Thắng	23/12/2005	Nam	9,0	4,8	6,9	009	<u>ĐTN</u>		
11	112223159	Trương Minh Thông	26/04/2004	Nam	8,5	4,8	6,7	010	<u>ĐTN</u>		
12	112223160	Võ Nguyễn Khánh Đoan	29/08/2004	Nữ	9,0	3,0	6,0	011	<u>ĐTN</u>		
13	112223161	Võ Thị Thanh Thoảng	29/04/2005	Nữ	9,2	3,8	6,5	012	<u>ĐTN</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: ĐTN

Cán bộ kiểm tra: ĐTN

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần I
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

ĐTH 107

1513

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23NNTQ

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
15 / 3 / 2024

Phòng thi: D71.107

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118723001	Nguyễn Nhựt Lê Minh Anh	06/02/2005	Nữ	8,5	5,3	6,9	001	anh		
2	118723002	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/07/2005	Nữ							nghe?
3	118723004	Nguyễn Thị Tường Duy	31/03/2005	Nữ	8,5	5,8	7,2	003	Phung		
4	118723005	Huỳnh Ngọc Hân	22/02/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3	004	nguyen		
5	118723006	Nguyễn Thị Thúy Hằng	18/09/2005	Nữ	8,9	2,8	5,9 sm	005	Hang		5,9 sm
6	118723007	Thạch Thị Ngọc Huỳnh	25/10/2005	Nữ	8,4	4,5	6,5	006	huynh		
7	118723010	Phạm Thị Trúc Mai	29/03/2005	Nữ	9,1	4,3	6,7	007	tm		
8	118723011	Thạch Sơn Sô Mali	29/08/2005	Nữ	8,5	3,5	6,0	008			
9	118723013	Thị Kim Ngân	27/05/2005	Nữ	8,9	4,3	6,6	009	Ngan		
10	118723016	Nguyễn Ngọc Nhi	03/10/2005	Nữ	9,0	2,8	5,9	010	Quoc		
11	118723017	Phan Thị Yến Nhi	06/09/2005	Nữ	9,3	4,3	6,8	011	th		
12	118723018	Thạch Thị Yến Nhi	08/11/2005	Nữ	8,2	5,5	6,9	012	thach		
13	118723019	Lê Hồng Nhung	16/01/2005	Nữ	8,8	4,8	6,8	013	nhung		
14	118723020	Mai Thị Thao Như	23/05/2005	Nữ	8,3	6,3	7,3	014			
15	118723021	Nguyễn Huỳnh Như	30/05/2005	Nữ	8,9	4,5	6,7	015	huynh		
16	118723022	Trần Thúy Như	27/03/2005	Nữ	8,7	3,8	6,3	016	Camel		
17	118723023	Trần Thị Kiều Oanh	18/01/2005	Nữ	8,8	5,5	7,2	017	oanh		
18	118723024	Lê Thị Tinh Sáng	29/11/2005	Nữ	8,7	4,0	6,4	018	th		
19	118723026	Nguyễn Trung Thành	02/11/2005	Nam	8,8	4,3	6,6	019	thanh		
20	118723027	Bùi Thị Ngọc Thi	28/05/2005	Nữ	9,1	6,5	7,8	020	thi		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 04 tháng 4 năm 2024

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thế Nhân

Đon Don Ca

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

15/3

071-108

Học phần: Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (38 -)/DA23NNTQ

CBGD: Nguyễn Văn Phương (00341)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

15/03/2024

Phòng thi: 071-108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	118723028	Nguyễn Thị Lan Thi	08/09/2005	Nữ	9,0	4,5	6,8	001	Lan Thi		
2	118723029	Lê Gia Thuần	20/08/2005	Nam	8,7	3,0	5,9	002	Gia Thuần		
3	118723030	Lê Thị Ngọc Trâm	24/10/2005	Nữ	8,7	2,0	5,4	003	Trâm		
4	118723031	Trần Thị Ngọc Trân	08/10/2005	Nữ	8,2	6,8	7,5	004	Trần		
5	118723032	Trần Thị Tú Trinh	13/02/2005	Nữ	8,9	4,3	6,6	005	Tú Trinh		
6	118723033	Huỳnh Văn Trọng	12/10/2005	Nam	8,9	3,3	6,1	006	Trọng		
7	118723034	Trương Thị Cẩm Tú	25/02/2005	Nữ	8,6	4,8	6,7	007	Tú		
8	118723035	Châu Tường Vi	01/01/2005	Nữ	9,0	6,0	7,5	008	Tường Vi		
9	118723036	Lâm Thị Mỹ Xuân	24/01/2005	Nữ	8,7	2,8	5,8	009	Mỹ Xuân		
10	118723040	Trương Hồng Nhân	13/11/2005	Nữ	9,3	3,0	6,2	010	Trương Nhân		
11	118723041	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/12/2005	Nữ	8,4	4,5	6,5	011	Nhi		
12	118723042	Nguyễn Thị Yến Nhi	31/12/2005	Nữ	8,3	4,3	6,3	012	Nhi		
13	118723043	Lê Thị Thạch Thảo	07/03/2003	Nữ	8,9	6,5	7,7	013	Thạch Thảo		
14	118723046	Hồ Thị Ngọc Yến	13/04/2004	Nữ	8,9	4,8	6,9	014	Ngọc Yến		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 14

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ: 14

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 4 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Sơn Tôn Ba

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Lan

Nguyễn Thị Lành

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mac - Lênin Ngày đánh giá: 15/3/2024

Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23.NNT.Q Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: 19 Phòng thi: D71.107

⇒ 006 024

005 007 023

..... 010 022 026

004 011 021

..... 013 020

..... 016 019 027

001 017 018

CBCT 1: Nguyễn Thị Minh

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin

Nhóm/Lớp (ghi mã): DA23AQDD

Sĩ số: 13

Ngày đánh giá: 15/03/2024

Thời gian làm bài: 60 phút

Phòng thi: DH.114

137

154

158

138

155

159

150

156

160

151

157

161

152



CBCT 1: Trần Thị Kim Ngọc

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác Lênin
Nhóm/Lớp (ghi mã): DA23QKDB
Sĩ số: 20

Ngày đánh giá: 15 / 03 / 20 24
Thời gian làm bài: 60 phút
Phòng thi: 071.113

110	112	130	131
	113	129	133
109			
108	114	128	134
	118		135
107		125	
→ 105	119	120	136

CBCT 1: Đỗ Đình Sơn Hùng
CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mac - Lenin Ngày đánh giá: 15/3/2024

Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA 23 QK DB Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: Phòng thi: 07112

⇒

~~023~~ ~~071~~ ~~075~~ ~~076~~ ~~080~~ ~~081~~ ~~083~~
023 071 075 076 080 081 083 084
.....
098 096 094 091 090 088 087 086
.....
..... 102 101 100 099

CBCT 1: Nguyễn Văn Nguyễn

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Tiết học M-LN Ngày đánh giá: 15/3/2024
Nhóm/Lớp (Ghi mã): DAB QKD A/38 Thời gian làm bài: 60 phút
Sĩ số: 17 Phòng thi: 071.11

⇒

			147
063	067	073	146
058	066	070	144
057	065	069	143
12223.05.3	064	068	

CBCT 1: Nguyễn Thanh Thanh

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác-Lenin Ngày đánh giá: 19/3/2024

Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23QKDA Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: 20 Phòng thi: ĐTN.109

⇒

001	022	008	024	012	012
003	009		014		018
005	010		015		020
007	011		016		021

CBCT 1:

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin Ngày đánh giá: 15/03/2024
Nhóm/Lớp (Ghi mã): DA23NN1A Thời gian làm bài: 60 phút
Số số: 14 Phòng thi: 071.108

⇒

	035	034	028
046	036	033	029
043	040	032	030
042	041	031	

CBCT 1: Ths Nguyễn Anh Phi

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN

SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI TRONG PHÒNG THI

(Dùng trong đánh giá kết thúc học phần)

Học phần: Triết học Mác - Lênin Ngày đánh giá: 15/10/2024

Nhóm/Lớp (Ghi mã): 38/DAL3 QKPA Thời gian làm bài: 60 phút

Sĩ số: 14 Phòng thi: D7.1.110

⇒ 042 048

..... 032 052

..... 040 048

..... 028 051

..... 038 046

..... 028 050

..... 033 044

CBCT 1: Phan Đình Kim Hải

CBCT 2:

BÀN GIÁO VIÊN